

KINH VU-LAN BÁO HIẾU

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm & biên tập: Thích Nhật Từ

Phó chủ nhiệm: Thích Quảng Tâm

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay do Thầy Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng độc giả.

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể tài này. Tủ Sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ủng hộ kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:

NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. HCM

ĐT: 0958-430-222; (08) 3839-4121; (08) 3833-5914

www.daophatngaynay.com

www.tusachphathoc.com

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

KINH VU-LAN BÁO HIẾU

HT. Thích Huệ Đăng dịch chánh Kinh
ĐĐ. Thích Nhật Từ biên tập nghi thức

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

MỤC LỤC

Lời nói đầu vii

Phần Nghi Thức Dẫn Nhập

1. Nguyện Hương 1
2. Tán Phật và Đảnh Lễ Tam Bảo 3
3. Tán Hương 5
4. Phát Nguyện Tri Kinh 5
5. Tán Dương Giáo Pháp 6

Phần Chánh Kinh

- Phật Nói Kinh Vu Lan Bồn 7
- Phật Nói Kinh Báo Hiếu Công Ôn Cha Mẹ 14

Phần Sám Nguyện Và Hồi Hương

8. Kinh Tinh Hoa Trí Tuệ 32
9. Niệm Phật 34
- 10-A. Sám Mười Ân Đức Của Mẹ 35
- 10-B. Sám Vu-lan 39
- 10-C. Sám Bốn Ôn 41
- 10-D. Sám Tổng Táng 46
- 10-E. Sám Niệm Phật 49
- 10-F. Sám Nhất Tâm 51
- 10-G. Sám Phát Nguyện 53
11. Hồi Hương Công Đức 56
12. Phục Nguyện 57
13. Đảnh Lễ Ba Ngôi Báu 59



LỜI NÓI ĐẦU

I. VÀI NÉT VỀ NGHI THỨC

Kinh Vu-lan Báo Hiếu là tên gọi tắt của Kinh Vu-lan và Kinh Báo Ân Cha Mẹ, dạy về đạo hiếu thảo của Phật giáo theo truyền thống Bắc tông. Hai tụng bản trong nghi thức này là bản dịch song thất lục bát của HT. Thích Huệ Đăng, mà phần lớn Tăng Ni và Phật tử đều thuộc lòng.

Nghi thức được biên soạn gồm ba phần: Phần dẫn nhập, phần Chánh kinh và phần hồi hướng. Đây là nghi thức thuần Việt có nhiều bài sám nguyện, thường đọc tụng suốt mùa Vu-lan tháng bảy như là tháng báo hiếu của người con Phật. Nhưng thật ra kinh này có thể được đọc tụng hàng ngày để hồi hướng công đức cho cha mẹ hiện tiền, đồng thời thấp sáng truyền thống hiếu đạo cho con cháu.

Ngoài ra, nghi thức này có thể được sử dụng trong những dịp chúc mừng sinh nhật mẹ cha, chúc thọ cho ông bà và ngay cả các khóa lễ kỳ siêu cho cha mẹ quá cố và cứu huyền thất tổ. Vì tính đa dạng của nghi thức, người thọ trì đọc tụng phải chọn đúng bài sám nguyện với nội dung thích hợp. Tụng nghi thức này là để tiếp tục nuôi lớn các hạt giống biết ơn và đền ơn đối với hai đấng sinh thành.

viii • KINH VU-LAN BÁO HIỂU

Niên đại xuất hiện của hai kinh này không rõ, nhưng trễ nhất là vào thế kỷ thứ 3 sau Tây lịch. Mặc dù tính chất nguyên thủy của bài kinh còn trong vòng nghi vấn và gắn liền với văn hóa Trung Quốc, nhưng giá trị giáo dục đạo hiếu và đạo đức làm người trong hai kinh này là điều nổi bật và không thể phủ nhận. Đó là đường hướng truyền bá Phật pháp chung của các kinh điển Đại thừa, nhấn mạnh tính giáo dục và đạo đức chứa tải trong từng bài kinh hơn là lai lịch và xuất xứ của các bài kinh đó.

II. SƠ LƯỢC Ý NGHĨA VU-LAN

Thuật ngữ Vu-lan viết đủ là Vu-lan-bồn là từ dịch âm của người Trung Quốc về chữ Phạn “*Ullambana*”. Một dịch âm khác nữa là Ô-lam-bà-na tuy tương đối gần âm với chữ Phạn hơn nhưng chữ này lại không thông dụng trong giới Phật giáo. Ý nghĩa của chữ Vu-lan-bồn còn trong vòng tranh luận.

Theo quan niệm thông thường, “*ullambana*” được ngài Trí Húc dịch nghĩa là “giải đảo huyền” (Vạn 35/151 B), về sau được diễn dịch thành “giải đảo huyền, cứu thống khổ”. Giải là động từ có ý nghĩa là cởi trói, hay giải phóng ai ra khỏi một cái ách nào đó. Đảo là “ngược” hay “dốc đầu xuống đất, chân chông lên trời”, nhằm ám chỉ cho hình thức nghiêm khắc và đau đớn tột độ của hình phạt. Huyền là “treo”. Như vậy “giải đảo huyền” có nghĩa là “tháo bỏ các cực hình treo ngược [của nghiệp xấu]” và “cứu thống khổ” là cởi trói ách đau khổ cùng cực của chúng sanh trong các đường dữ.

Theo tinh thần của kinh Vu-lan, cái khổ nguy khốn nhất của chúng sanh là bị sanh vào cảnh giới quỷ đói. Do đó, tháo gỡ cái cực hình treo ngược là tháo gỡ cái ách bị đày đọa trong cảnh giới ngạ quỷ và địa ngục.

Xin lưu ý thêm rằng cách giải thích chữ “bồn” với ý nghĩa

là cái chậu, cái thau để đựng đồ cúng dường trong ngày rằm tháng 7 của chư tăng là cách giải thích dựa vào nghĩa chữ Hán của chữ “bồn”, vốn là từ phiên âm của thành tố “bana” chứ không có trong ý nghĩa từ nguyên của từ “ullambana”. Cách giải thích như vậy rõ ràng không có cơ sở và lạc dẫn, mặc dù trong suốt mạch văn của kinh có đề cập đến việc sử dụng cái thau chậu để dâng cúng phẩm vật cho các vị thánh tăng.

III. TÓM TẮT NỘI DUNG KINH VU-LAN

Phật thuyết Vu-lan-bồn kinh là một bản kinh ngắn kể về nguyên nhân và phương pháp báo hiếu của tôn giả Mục-kiền-liên đối với thân mẫu của ngài. Đại ý của kinh gồm có 3 phần chính: (1) nói về nguyên nhân của pháp báo hiếu Vu-lan, (2) phương pháp báo hiếu nhờ vào đạo đức cộng đồng và (3) báo hiếu là trách nhiệm chung của những người con.

Duyên khởi của kinh như sau: Ngài Mục-kiền-liên vận dụng 6 phép thần thông tìm thấy mẹ bị tái sanh trong cảnh giới ngạ quỷ, đói khát, tiều tụy. Ngài liền lấy bát đựng cơm đem hiến dâng cho mẹ. Do vì lòng tham, bà mẹ lấy tay trái che lấy cái bát, tay phải vội vã vốc cơm. Nhưng cơm đã biến thành lửa, nên không ăn được. Tôn giả sầu than trở về thưa Phật để cầu cách cứu mẹ ngài.

Đức Phật dạy rằng chỉ nhờ vào uy lực đạo đức tu tập của chư tăng trong ba tháng an cư mới có thể độ được mẹ ngài Mục-kiền-liên. Ngài Mục-kiền-liên đã y theo lời Phật dạy thiết lập trai đàn, nhờ oai đức chuyển hóa nghiệp lực của chư tăng mà mẹ ngài đã thoát khỏi cảnh ngạ quỷ, tái sanh về cõi trời.

Nhân dịp đó, đức Phật đã khuyên tất cả những người con nên học theo gương hiếu hạnh của ngài Mục-kiền-liên để báo đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ hiện tại và cha mẹ bảy đời quá khứ.

IV. TÓM TẮT NỘI DUNG KINH BÁO ÂN

Nhân sự kiện đức Phật đánh lễ đồng xương khô trong đó có cha mẹ nhiều đời trong quá khứ của ngài, đức Phật đã giảng dạy về 10 đức ân của hai đấng sanh thành như sau: 1) Gìn giữ con khi mang thai, 2) khổ đau trong sinh nở, 3) lo lắng trăm bề đến lúc sinh, 4) nuốt đắng nhả ngọt, 5) nuờng khô nằm ướt, 6) bú mớm nuôi nấng, 7) tắm rửa săn sóc, 8) thương nhớ không nguôi, 9) quá vì con, thậm chí làm ác, 10) thương con trọn đời.

Để con cháu đền đáp công cha nghĩa mẹ, Phật dạy phương pháp báo hiếu về phương diện vật chất lẫn tinh thần. Nếu đối với cha, công ơn trời biển thuộc về phần nuôi nấng và giáo dục con cái thì đối với mẹ là cả bầu trời tình thương, mười tháng curu mang, ba năm bú mớm, cho đến lúc con cái được trưởng thành và hạnh phúc trong đời.

Trong hành trình mang lại hạnh phúc cho con cái, đôi lúc cha mẹ đã hy sinh hạnh phúc của bản thân. Có nhiều bậc cha mẹ trong kế sinh nhai đầy lao khổ đã phải bắt đấng đĩ “*tính sao có lợi thì làm khác, Chẳng màng tội lỗi bị giam bị cầm*”.

Hiếu được công ơn trời biển của hai đấng sanh thành, tất cả những người làm con phải lo báo hiếu cù lao. Đạo đức của lòng hiếu thảo theo kinh này khởi đi bằng đời sống đạo đức của bản thân, thấy được song thân ân trọng, nỗ lực đền đáp bằng tất cả tấm lòng trong mọi tình huống, dù trong lúc khốn đốn khó khăn, vật đổi sao dời, lòng hiếu kính của con cháu đối với cha mẹ trước sau như một.

Vì tình thương và tấm lòng của cha mẹ dành cho con cái là không bờ bến. Tất cả sự báo hiếu của con thảo cháu hiền chỉ đáp đền được phần nào đó trong muôn một. Những kẻ bất hiếu là tự gieo bất hạnh cho bản thân, và khó có cơ hội sống trong hạnh phúc thật sự. Do đó hiếu thảo là nhu cầu không

thể thiếu của hạnh phúc và là giá trị làm thăng hoa mọi giá trị trong cuộc đời.

V. CÁC VẤN ĐỀ PHẬT HỌC

5.1. Đạo hiếu thảo

Điểm nổi bật và quan trọng nhất trong kinh Vu Lan và kinh Báo Ân Cha Mẹ là đạo hiếu như một phương pháp tu tập. Nếu trong kinh Vu-lan, đương sự báo hiếu là ngài Mục-kiền-liên, vị đệ tử lỗi lạc với thần thông số một, thì trong kinh Báo Ân, sự báo hiếu được khởi đi bằng sự kiện đức Phật đánh lễ đồng xương khô, trong đó có cữu huyền thất tổ của ngài. Giá trị giáo dục ngụ ý của hai kinh này rất cao: Thánh nhân và Phật còn hiếu thảo với cha mẹ như vậy thì huống hồ là người phàm phu tục tử chúng ta mà không chịu sớm lo báo đáp. Điều đó còn nói lên rằng đạo hiếu là nền tảng của đạo làm người và đạo thánh nhân. Thiếu hiếu thảo, tính cách đạo đức của con người đã bị phá vỡ và do đó không thể trở thành các bậc hiền thánh để đời ca tụng và học hỏi theo được. Chính vì thế mà kinh Nhẫn Nhục thuộc hệ Đại thừa đã đăng thức hóa “hiếu” với “điều thiện tối cao” và “bất hiếu” là điều ác nguy hại: “*Điều thiện tối cao là chí hiếu, điều ác tối cao là bất hiếu*”. Kinh điển Đại thừa cũng khẳng định: “*Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật*” nhằm xác quyết rằng đạo hiếu là con đường mà tất cả các bậc thánh hiền, các bậc giác ngộ đã đi qua.

Nói cách khác đạo hiếu thảo là đạo làm người và đạo làm thánh. Đây là bước khởi đầu của mọi đạo lý trên đời. Nếu tính cách thiêng liêng của đạo hiếu bị phá vỡ thì tính cách đạo đức của một cá nhân cũng không thành tựu được. Nghĩa là người bất hiếu không phải là người hiền lương và đạo đức, và do đó không phải là con người đúng với nghĩa là một động vật tiên hóa về ý thức và đạo đức. Bằng cách đưa vai trò của chữ hiếu

lên ngang hàng với điều kiện cao cấp, Phật giáo Đại thừa đã nhấn mạnh tinh thần luân lý đạo đức của xã hội loài người như là điều kiện tiên quyết của sự sống nhân loại.

5.2. Thần thông, tha lực và nghiệp báo

Các nhà Phật học Nguyên thủy dù khó tách cách mấy cũng phải thừa nhận điểm mấu chốt của kinh Vu-lan là “thần thông và tha lực không thể thắng được nghiệp lực”. Kinh Vu-lan còn đề cập đến sự kiện bốn vị Thiên vương hộ đời (Tri Quốc ở phương đông, Tăng Trưởng ở phương nam, Quảng Mục ở phương tây, Đa Văn ở phương bắc) cũng không thể giúp tôn giả Mục-kiền-liên ra khỏi quả báo nga quý.

Đây là điểm nhất quán giữa hai hệ tư tưởng Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa: Thần thông và tha lực không thể giúp chúng ta thoát khỏi luân hồi sinh tử được. Với sáu phép thần thông (thần thông biến hóa, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông) và dù cho có được sự trợ giúp (tha lực) của bốn vị Thiên vương hộ đời, vậy mà tôn giả Mục-kiền-liên đã không thể giúp cho mẹ ngài ăn được bát cơm, huống hồ là cứu mẹ ra khỏi cảnh khổ hành hình của nga quý.

Sự kiện sáu phép thần thông của ngài Mục-kiền-liên mà không thể cứu được nghiệp nga quý của người mẹ cho thấy rằng nghiệp của chúng sanh chỉ có thể cải tạo và chuyển hóa do chính nội tâm và hành vi thiện ích của họ. Tất cả sự hỗ trợ nếu có của người khác cũng chỉ là những chất xúc tác để giúp họ tự chuyển hóa nghiệp của chính họ mà thôi.

5.3. Oai lực của đạo đức cộng đồng

Cách thức mà ngài Mục-kiền-liên cứu thoát mẹ ngài khỏi cảnh quý đối là nhờ vào oai đức giáo hóa qua hình thức chú nguyện của cộng đồng tỳ-kheo thanh tịnh và có đủ giới đức.

Đây là điểm quan trọng trong kinh Vu-lan. Oai đức của cộng đồng được xem như biển cả bao la (chúng đức như hải), có thể giúp chúng ta hoàn tất các Phật sự một cách mỹ mãn: Ở đây là giáo hóa và cứu độ nạn nhân trong thế giới nga quý. Nội dung của bài kinh khuyến khích và dạy bảo chúng ta nên sống nương tựa vào đạo đức cộng đồng trong việc tu tập và làm Phật sự. Do đó đạo đức cộng đồng được xem là giải pháp của mọi vấn đề đạo đức và luân lý của thời đại.

Tương tự trong công cuộc giáo hóa chúng sanh, chúng ta cần đến một sức mạnh đạo đức tổng hợp và mang tính cộng đồng như vậy. Chính nhờ vào đạo đức cộng đồng của các vị thánh tăng và cao tăng nghiêm trì giới luật, mẹ ngài Mục-kiền-liên đã được “cảm hóa” rồi đi đến “tự chuyển hóa” và nhờ đó bà được giải thoát.

Cần nói rõ thêm rằng, bà được thoát cảnh nga quý không chỉ đơn thuần do sức chú nguyện của mười phương tăng. Thật chất là do sức oai thần đạo đức của mười phương tăng đã cảm hóa được bà, giúp bà tự chuyển hóa các nghiệp xấu ác của nga quý, phát huy tối đa nghiệp thiện, tái sinh về cảnh giới tốt. Đây là một quy trình vừa tâm lý vừa đạo đức trên nền tảng nỗ lực của tự tâm.

Nói cách khác nếu bản thân mẹ của ngài Mục-kiền-liên không tự nỗ lực để chuyển hóa nghiệp xấu ác của chính bà thì oai đức của chư tăng cũng vô phương cứu chữa. Đó là mấu chốt của vấn đề cứu độ trong kinh điển Đại thừa nói chung và kinh Vu-lan-bồn nói riêng.

5.4. Phẩm vật và tấm lòng

Một vấn đề cần lưu tâm về kinh Vu-lan là vấn đề phương pháp báo hiếu qua việc cúng dường trai tăng trong ngày rằm tháng 7. Kinh văn chép đó là ngày Phật hoan hỷ và chư tăng

xiv • KINH VU-LAN BÁO HIẾU

thanh tịnh sau ba tháng chuyên ròng tu tập thiền định và phát huy giới đức. Thực ra, không phải chỉ có ngày rằm tháng 7 Đức Phật mới hoan hỷ. Đức Phật luôn luôn hoan hỷ trong mọi thời gian. Nói cách khác nơi nào và lúc nào, có những người con hiếu thảo, cung kính, nuôi dưỡng cha mẹ đúng pháp, nơi đó có sự hoan hỷ của Phật, nơi đó có sự sống đạo đức. Nơi nào con cái bất hiếu ngộ nghịch với cha mẹ, nơi đó không có sự hoan hỷ, mà chỉ có mặt của đau khổ và bất hạnh. Sở dĩ kinh văn nói đến rằm tháng 7 là ngày Phật hoan hỷ là nhằm nhấn mạnh vào hành vi hiếu thảo của các người con trong ngày mang tính biểu tượng đạo hiếu và báo hiếu này.

Kể đến vấn đề cúng dường chư tăng, kinh văn có nói “sắm đủ mọi phẩm vật tươi tốt và thượng hạng”. Đây là một cách mô tả mang tính ẩn dụ văn học trong kinh điển Đại thừa. Cách mô tả của kinh văn phản ánh một quan niệm rằng người con hiếu thảo phải sẵn lòng vì cha mẹ không tiếc tiền của để báo đáp công ơn sanh thành của cha mẹ. Sắm các thức ăn ngon và sang trọng phải được hiểu là cách thể hiện lòng chí thành hay chân thành của người con đối với việc chu lo cho cha mẹ, chứ không nhất thiết là các phẩm vật thượng hạng trong thực tế. Một khi lòng đã chân thành rồi thì số lượng và khối lượng vật chất dùng vào việc hiếu thảo không còn là vấn đề nữa. Nói cách khác, khi có đủ lòng chân thành thì cúng cho Tam bảo một nén hương, một bát nước, một cành hoa, một trái cây cũng là báo hiếu cha mẹ được. Thế mới biết trong đạo Phật chữ tâm quan trọng đến thế. Tâm là tiêu chí đánh giá thiện ác và là cái cân để đo lường các trị số đạo đức của hành vi, trong báo hiếu nói riêng và trong cuộc sống nói chung. Đạo Phật trong ý nghĩa này được xem đạo dạy về tâm, huấn luyện về tâm và tu tập về tâm.

5.5. Đối tượng giáo dục

Khi nghiên cứu kinh Vu-lan và kinh Báo Ân có một vấn

đề cần đặt ra là đối tượng giáo dục của kinh này là ai? Ngài Mục-kiền-liên? Mẹ ngài Mục-kiền-liên? Hay chúng sanh nói chung? Câu trả lời ngắn gọn là thông điệp của hai bài kinh đạo hiếu này dành cho tất cả loài người, những người từng là con và do đó phải có trách nhiệm đền đáp ân nghĩa sanh thành và nuôi nấng của cha và mẹ. Kế đến thông điệp kinh Vu-lan và kinh Báo Ân còn hướng đến những chúng sanh đang bị đau khổ, do bị nghiệp bất thiện gây ra trong đời sống hiện tại cũng như trong quá khứ.

Do đó việc báo hiếu không chỉ dành cho hàng đệ tử tại gia mà còn chung cho hàng xuất gia; việc cứu độ không chỉ dành cho người sống mà còn cho người quá vãng. Với tinh thần cứu sanh độ tử, đạo Phật đã thật sự đi vào ngõ ngách của cuộc sống. Độ người còn sống để giúp họ sống hạnh phúc ở hiện tại và tương lai. Độ người đã chết để giúp họ sớm thoát khỏi cảnh giới xấu xa và đau khổ. Nếu người hành trì đạo Phật muốn biến đạo Phật thành đạo chỉ “độ người sống” mà không có “độ người chết” thì họ đã làm cho đạo Phật trở nên không trọn vẹn. Ngược lại, nếu biến đạo Phật thành đạo chỉ có độ người chết mà không có độ người sống lại càng làm cho đạo Phật không còn là đạo Phật nữa. Nói cách khác, đạo Phật quan tâm đến nhiều phương diện của đời sống, bao gồm sống và chết. Các hình thức nghi lễ cúng kiến cho người chết mà không thuyết pháp để độ người sống sẽ biến đạo Phật thành một “đạo ma chay”, điều mà đức Phật đã từng lên án khi Ngài còn tại thế. Mong sao những người con Phật ý thức được việc làm của mình, không biến đạo Phật từ một đạo vị nhân sinh sống động thành một đạo vị người chết.

5.6. Giá trị đạo đức

Nếu kinh Vu-lan-bồn và kinh Báo Ân là thông điệp hiếu

xvi • KINH VU-LAN BÁO HIẾU

kính cha mẹ thì mùa Vu-lan là mùa biểu tượng của đạo hiếu trong đạo Phật. Đó là mùa gọi chúng ta nhớ đến công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Mùa Vu-lan do đó trở thành mùa báo hiếu. Lễ hội Vu-lan là lễ hội của hiếu thảo, thương kính cha mẹ. Hiếu thảo cha mẹ thì chúng ta phải biết kính trọng cha mẹ, vâng lời cha mẹ dạy, phụng dưỡng nuôi nấng cha mẹ, sớm thăm tới viếng khi cha mẹ đau ốm, hướng dẫn cha mẹ quy y Tam bảo, trở thành người Phật tử chân chánh, nếu cha mẹ chưa trở về với chánh pháp. Nói chung, người Phật tử phải biết đền ơn cha mẹ hiện đời cũng như cha mẹ trong đời quá khứ. Đạo lý của Vu-lan như vậy là đạo lý vì con người, vì sự an lạc của tất cả chúng sinh.

Từ phương diện xã hội, lễ Vu-lan Báo Hiếu còn là dịp tốt để người Phật tử phát tâm cúng dường Tam bảo, làm việc nhân từ, phóng sanh cứu vật v.v... Tinh thần Vu-lan dạy chúng ta ý thức độ lượng, bao dung, hướng đến và giúp đỡ người khác trong tinh thần vô vị lợi. Ngoài ra, Vu-lan còn là cơ hội tốt cho chúng ta phát tâm bồ-đề hướng đến các chúng sanh ngã quý đang đau khổ, làm các việc công đức để hồi hướng cho họ. Một lễ hội có nhiều giá trị đạo đức và luân lý như vậy cần được phát huy để cho sự sống của con người hôm nay và mai sau thật sự an lạc trong đạo lý và tình người.

VI. KẾT LUẬN

Nói tóm lại, hai bản kinh Vu-lan và kinh Báo Ân cùng chung một thông điệp gồm 3 nội dung: (1) Đề cao đạo đức chữ hiếu, (2) hướng dẫn phương pháp độ sanh qua chuyển hóa tâm thức của đối tượng và (3) khuyến khích các hình thức tôn kính và phụng sự Tam bảo trong các dịp thích hợp.

Đề cao đạo đức chữ hiếu để cuộc đời có nhiều người con hiếu thảo, bớt đi tình trạng suy thoái đạo đức trong dân gian,

xây dựng một xã hội an bình và hạnh phúc. Độ sanh qua chuyển hóa tâm thức chúng sanh là phương pháp đề cao giáo lý nghiệp và tinh thần tự lực của từng chúng sanh trong ba cõi. Chỉ có con đường tự chuyển hóa tâm thức chính mình, qua sự hướng đạo của Tam bảo, hành vi và lời nói của chúng ta sẽ trở nên thiện. Đây là con đường cứu độ bản thân và tha nhân có hiệu quả nhất.

Mọi hình thức trông chờ vào tha lực của người khác chỉ là phản ánh của một nhận thức sai lầm về lý nhân quả “ai làm lây chịu, ai tu nấy chứng” của đức Phật và tệ hơn nữa là một sự đổ vỡ của đời sống hưởng thụ của bản thân. Khuyến khích các hình thức tôn kính và cúng dường Tam bảo một mặt gắn liền sự sinh hoạt của người con Phật với đạo pháp, mặt khác phản ánh thái độ tôn kính chân lý và đạo đức của người con đã dày công tu tập, quảng bá chánh pháp vì lợi ích của số đông, vì lợi ích cho chư thiên và loài người.

Với một thông điệp gồm ba nội dung như vậy, kinh Vu-lan Báo Hiếu và lễ hội báo hiếu đã, đang và sẽ còn tiếp tục sống mãi trong đạo đức chữ hiếu và đạo lý làm người, của tất cả con người trên hành tinh này cho dù, nguồn gốc của nó còn trong vòng tranh luận. Nói cách khác, các giá trị đóng góp của kinh Vu-lan Báo Hiếu và lễ hội Vu-lan cho đạo đức cuộc sống của nhân sinh đã lấn át hoàn toàn các nghiên cứu có tính cách lịch sử nhưng lại không phục vụ được gì cho cuộc sống đầy đau khổ và thương tâm của con người hôm qua, hôm nay và mai sau. Trong bối cảnh đó, kinh Vu-lan Báo Hiếu đã nghiêm nhiên chói sáng mãi như vị cứu tinh cho đời sống đạo đức, cho đạo lý hiếu thảo, cho tình người hôm nay và mai sau.

Mùa Vu-lan tại Ấn Độ 2000

Thích Nhật Từ

cẩn chí

1. NGUYỆN HƯƠNG

(Chủ lễ quỳ ngay thẳng, dâng ba nén hương lên ngang trán, thành tâm xướng nguyện. Đại chúng cùng quán tưởng theo lời Nguyện)

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật. O

Nguyện đem lòng thành kính

Gởi theo đám mây hương

Phưởng phất khắp mười phương

Cúng dường ngôi Tam Bảo

Thệ trọn đời giữ đạo

Theo tự tánh làm lành

Cùng pháp giới chúng sanh

Cầu Phật thương gia hộ:

Tâm bồ-đề kiên cố

Chí tu học vững bền

Xa bễ khổ nguồn mê

Chóng quay về bờ giác O

Hôm nay nhân mùa Vu-lan, chúng con tề tụ trước Phật đài, phát nguyện trì tụng kinh *Vu-lan* và kinh *Báo Hiếu*, nguyện cho: Chánh pháp được lan truyền khắp chốn; lời Phật dạy được phổ biến muôn nơi; người người từ bỏ tham giận si mê; xú xú thắm nhuần từ bi, hạnh phúc. O

2 • KINH VU-LAN BÁO HIẾU

Kính nguyện: Cha mẹ hiện tại, an khang trường thọ, sữa pháp đượm nhuần, trí tuệ nảy sanh, não phiền dứt sạch. Nguyện cho hàng con cháu, sống hiếu thảo thuận hòa, nhớ ân đức mẹ cha, trở nên người hiền thiện. O

Lại nguyện: Cha mẹ đã quá vãng, cùng tất cả hương linh (tên họ, pháp danh, ngày mất, hưởng thọ), khởi tâm niệm tuệ giác, thoát khỏi cõi luân hồi, niệm Phật được nhất tâm, siêu sinh về Tịnh Độ.

Khắp nguyện các chúng sanh, tin sâu lời Phật dạy, phát triển tâm bồ-đề, thực hành đạo Bồ-tát, đền đáp bốn ơn trọng, mau chứng thành quả Phật. O

Nam-mô Hương Cúng Đường Bồ-tát (3 lần) O

(Chủ lễ xá 3 xá rồi cắm nhang vào lư hương)

2. TÁN PHẬT VÀ ĐẢNH LỄ TAM BẢO

(Đại chúng đứng chấp tay, hướng về Phật, cùng tụng)

Đấng Pháp Vương vô thượng,
Ba cõi chẳng ai bằng,
Thầy dạy khắp trời người,
Cha lành chung bốn loài.
Nay con nguyện quy y,
Diệt trừ vô lượng tội,
Dâng lên lời tán thán,
Ức kiếp vẫn không cùng. (1 xá) O

Phật là đấng giác ngộ mình
Độ người thoát khỏi tử sinh bao đời
Từ bi, trí tuệ rạng ngời
Là thầy ba cõi trời người xưa nay. O

Chí tâm đảnh lễ tất cả đức Phật ba đời
thường trú trong mười phương. (1 lay) O

Pháp là phương thuốc diệu thay,
Chữa lành bệnh khổ bao loài chúng sinh,
Nhu vàng trắng sáng lung linh,
Soi đường ra khỏi u minh mê mờ.

Chí tâm đánh lễ tất cả Tôn Pháp ba đời thường trú trong mười phương. (1 lay) O

Tăng là những bậc chân tu,
Biết đời huyễn mộng, già từ ra đi,
Thấm nhuần trí tuệ, từ bi,
Độ đời thoát khỏi tham... si khổ sầu.

Chí tâm đánh lễ tất cả Hiền Thánh Tăng ba đời thường trú trong mười phương.

(1 lay) OOO

3. TÁN HƯƠNG

(Đại chúng ngồi thẳng lưng theo tư thế hoa sen. Duy-na và Duyệt chúng khai chuông mõ. Từ đây trở đi, chủ lễ xướng và đại chúng cùng tụng theo)

Lò hương vừa bén chiêm đàn
Tỏa xông pháp giới đạo tràng mười phương
Hiện thành mây báu cát tường
Xin Phật chứng giám tâm hương chí thành
Pháp thân các Phật tịnh thanh
Chứng minh hương nguyện, phước lành
rưới ban.
Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát.

(3 lần) OOO

4. PHÁT NGUYỆN TRÌ KINH

Lạy đấng Thầy ba cõi,
Quy mạng Phật mười phương.
Nay con phát nguyện lớn,
Thọ trì kinh Vu-Lan,
Trên đền bốn ơn nặng,
Dưới cứu khổ ba đường.

Nguyện cho người thấy nghe
Đều phát tâm bồ-đề,
Sống an vui giải thoát.

O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần) OOO

5. TÁN DƯỠNG GIÁO PHÁP

Pháp Phật cao siêu, lý rộng sâu,
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu,
Nay con gặp được xin trì tụng,
Nguyện hiểu chân kinh nghĩa nhiệm màu.
Nam-mô Khai Pháp Tạng Bồ-tát.

(3 lần) OOO



PHẬT NÓI KINH VU LAN BỒN

Ta từng nghe lời dạy như vậy:
Một thuở nọ Thế Tôn an trụ,
Xá-vệ thành Kỳ Thụ viên trung,
Mục-liên mới đặng lục thông,
Muốn cho cha mẹ khỏi vòng trầm luân.
Công dưỡng dục thâm ân dốc trả,
Nghĩa sanh thành đạo cả mong đền,
Làm con hiếu hạnh trước tiên,
Bèn dùng huệ nhãn dưới trên kiếm tầm.
Thấy vong mẫu sanh làm ngựa quý,
Không uống ăn tiền tụy hình hài,
Mục-liên thấy vậy bi ai,
Biết mẹ đói khát ai hoài tình thâm
Lo phẩm vật đem dâng từ mẫu
Đặng đỡ lòng cực khổ bấy lâu
Thấy cơm, mẹ rất lo âu
Tay tả che đậy hữu hầu bốc ăn.
Lòng bồn sấn tiền căn chưa dứt

Sợ chúng ma cướp giựt của bà,
Cơm chưa đưa đến miệng đà,
Hóa thành than lửa nuốt mà đặng đâu.
Thấy như vậy âu sầu thê thảm,
Mục-kiền-liên bi cảm xót thương,
Mau mau về chốn giảng đường,
Bạch cùng Sư phụ tìm phương giải nạn.
Phật mới bảo rõ ràng căn cội,
Rằng mẹ ông gốc tội rất sâu,
Dẫu ông thần lực nhiệm mầu,
Một mình không thể ai cầu đặng đâu.
Lòng hiếu thảo của ông dầu lớn,
Tiếng vang đồn thấu đến cửu thiên,
Cùng là các bậc thần kỳ,
Tà ma ngoại đạo, bốn vì Thiên vương.
Cộng ba cõi sáu phương tu tập,
Cũng không phương cứu tế mẹ người.
Muốn cho cứu được mạng người,
Phải nhờ thần lực của mười phương Tăng.
Pháp cứu tế Ta toan giảng nói,
Cho mọi người thoát khỏi ách nạn,
Bèn kêu Mục thị đến gần,

Truyền cho diệu pháp ân cần thiết thi
Rằm tháng bảy là ngày Tụ tứ,
Mười phương Tăng đều dự lễ này,
Phải toan sắm sửa chớ chầy,
Thức ăn trăm món, trái cây năm màu.
Lại phải sắm giường nằm nệm lót,
Cùng thau, bồn, đèn, đuốc, nhang, dầu,
Món ăn tinh sạch báu màu,
Đựng trong bình bát vọng cầu kính dâng.
Chư Đại đức mười phương thọ thực,
Trong bảy đời sẽ được siêu thăng,
Lại thêm cha mẹ hiện tiền,
Đặng nhờ phước đức tiêu khiên ách nần.
Vi ngày ấy thánh Tăng đều đủ,
Dầu ở đâu cũng tụ hội về
N như người thiền định sơn Khê,
Tránh điều phiền não chắm về thiền na.
Hoặc người đặng bốn tòa đạo quả,
Công tu hành nguyện thỏa vô sanh,
Hoặc người núi thăm kinh hành,
Chẳng ham quyền quý ản danh lâm tông.
Hoặc người đặng lục thông tấn phát,

Và những hàng Duyên Giác, Thinh Văn
Hoặc chư Bồ-tát mười phương,
Hiện hình làm sãi ở gần chúng sanh.
Đều trì giới rất thanh rất tịnh,
Đạo đức dày chánh định chơn tâm,
Tất cả các bực Thánh phàm,
Đồng lòng thọ lãnh bát cơm lục hòa.
Người nào có sắm ra vật thực,
Đặng cúng dường Tụ tứ Tăng thời,
Hiện tiền phụ mẫu của người,
Bà con quyến thuộc thấy đều nhờ ơn.
Ba đường khổ chắc rằng ra khỏi,
Cảnh thanh nhàn hưởng thọ tự nhiên,
Như còn cha mẹ hiện tiền,
Nhờ đó cũng đặng bá niên thọ trường.
Như cha mẹ bảy đời quá vãng,
Sẽ hóa sanh về cõi thiên cung,
Người thời tuấn tú hình dung,
Hào quang chiếu sáng khắp cùng châu thân
Phật dạy bảo mười phương Tăng chúng,
Phải tuân theo thể thức sau này,
Trước khi thọ thực đàn chay,

Phải cầu chú nguyện cho người tín gia.
Cầu thất thế mẹ cha thí chủ,
Định tâm thần quán đủ đừng quên,
Cho xong định ý hành thiền,
Mới dùng phẩm vật dâng tiên hiến dâng.
Khi thọ dụng nên an vật thực,
Trước Phật đài hoặc tự tháp trung,
Chư Tăng chú nguyện viên dung,
Sau rồi tự tiện thọ dùng bữa trưa.
Pháp cứu tế Phật vừa nói dứt,
Mục-liên cùng Bồ-tát chư Tăng,
Đồng nhau tỏ dạ vui mừng.
Mục-liên cũng hết khóc than rầu buồn.
Mục-liên mẩu cũng trong ngày ấy,
Kiếp khổ về nga quỷ được tan,
Mục-liên bạch với Phật rằng:
Mẹ con nhờ sức Thánh Tăng khỏi nạn.
Lại cũng nhờ oai thần Tam Bảo,
Bằng chẳng thì nạn khổ khó ra,
Như sau đệ tử xuất gia,
Vu-lan-bồn pháp dùng mà độ sanh.

Độ cha mẹ còn đang tại thế,
Hoặc bảy đời có thể đặng không?
Phật rằng: Lời hỏi rất thông,
Ta vừa muốn nói con liền hỏi theo,
Thiện nam tử, Tỳ-kheo nam nữ,
Cùng Quốc vương, Thái tử, Đại thần,
Tam công, Tể tướng, bá quan,
Cùng hàng lê thứ vạn dân cõi trần.
Như chí muốn đền ơn cha mẹ,
Hiện tại cùng thất thế tình thâm,
Đến rằm tháng bảy mỗi năm,
Sau khi kiết hạ chư Tăng tựu về
Chính ngày ấy Phật đà hoan hỷ,
Phải sắm sanh đủ vị cơm canh,
Đựng trong bình bát tinh anh,
Chờ giờ Tụ Tứ chúng Tăng cúng dường.
Đặng cầu nguyện song đường trường thọ,
Chẳng ốm đau cũng chẳng khổ chi,
Cùng cầu thất thế đồng thì,
Lìa nơi ngã quý sanh về như thiên,
Đặng hưởng phước nhân duyên vui đẹp

Lại xa lìa nạn khổ cực thân,
 Môn sanh Phật tử ân cần,
 Hạnh tu hiếu thuận phải cần phải chuyên.
 Thường cầu nguyện cha mẹ an ổn,
 Cùng bảy đời phụ mẫu siêu sinh,
 Ngày rằm tháng bảy mỗi năm,
 Vì lòng hiếu thảo ân thâm phải đền.
 Lễ cứu tế chí thành sắp đặt,
 Để cúng dường chư Phật chư Tăng,
 Ấy là báo đáp thù ân,
 Sanh thành dưỡng dục song thân buổi đầu
 Đệ tử Phật lo âu gìn giữ,
 Mới phải là Thích tử Thiên môn,
 Vừa nghe dứt pháp Lan-bồn,
 Môn sanh tứ chúng thấy đều hỷ hoan,
 Mục-liên với bốn ban Phật tử,
 Nguyện một lòng tín sự phụng hành,
 Trước là trả nghĩa sanh thành,
 Sau là cứu giúp chúng sanh muôn loài.
 Nam mô Đại hiếu Mục-kiền-liên Bồ-tát.

PHẬT NÓI KINH BÁO HIẾU CÔNG ƠN CHA MẸ

Một thuở nọ Thế Tôn an trụ,
Xá-vệ thành Kỳ thụ viên trung,
Chư Tăng nhóm hội rất đông,
Tính ra đến số hai muôn tám ngàn.
Lại cũng có các hàng Bồ-tát,
Hội tại đây đủ mặt thường thường,
Bấy giờ Phật lại lên đường,
Cùng hàng đại chúng Nam phương tiến hành.
Bên đường bỗng rành rành mắt thấy,
Núi xương khô bỏ đầy lâu đời,
Thế Tôn bèn vội đến nơi,
Lạy liền ba lạy, rồi rơi giọt hồng.
Đức A-nan tủi lòng ái ngại,
Chẳng hiểu sao Phật lạy đống xương,
Vội vàng xin Phật dạy tường:
Thầy là Từ phụ ba phương bốn loài.
Ai ai cũng kính Thầy dường ấy

Cớ sao Thầy lại lạy xương khô?
 Phật rằng: Trong các môn đồ,
 Ông là đệ tử đứng đầu dày công.
 Bởi chưa biết đục trong chưa rõ,
 Nên vì người ta tỏ đuôi đầu.
 Đổng xương dồn dập bấy lâu,
 Cho nên trong đó biết bao cốt hài.
 Chắc cũng có ông bà, cha mẹ,
 Hoặc thân ta, hoặc kẻ ta sanh,
 Luân hồi sanh tử, tử sanh,
 Lục thân đời trước, thi hài còn đây.
 Ta lễ bái kính người tiền bối,
 Và ngậm ngùi vì nhớ kiếp xưa,
 Đổng xương hỗn tạp chẳng vừa,
 Không phân trai gái bỏ bừa khó coi.
 Người chịu khó xét soi cho kỹ,
 Phân làm hai bên nữ, bên nam,
 Để cho phân biệt cốt phàm,
 Không còn lộn lạo nữ nam chất chồng.
 Đức A-nan trong lòng ái ngại,
 Biết làm sao phân biệt khỏi sai,

Vội vàng bèn xin Phật chỉ bày,
Vì khó chọn lựa gái trai lúc này.
Còn sanh tiền dễ bề sắp đặt,
Cách đứng đi ăn mặc phân minh,
Chớ khi rã xác tiêu hình,
Xương ai như nấy, khó nhìn khó phân.
Phật mới bảo A-nan nên biết,
Xương nữ nam phân biệt rõ ràng,
Đàn ông xương trắng nặng oằn,
Đàn bà xương nhẹ đen thâm dễ nhìn.
Ngươi có biết có sao đen nhẹ?
Bởi đàn bà sinh đẻ mà ra,
Sanh con ba đầu huyết ra,
Tám hộc bốn đầu sữa hòa nuôi con.
Vì có ấy hao mòn thân thể,
Xương đàn bà, đen nhẹ hơn trai.
A-nan nghe vậy bi ai,
Xót thương cha mẹ công dày dưỡng sanh.
Bèn cầu Phật thi ân dạy bảo,
Phương pháp nào báo hiếu song thân?
Thế Tôn mới bảo lời rằng:

Vì người Ta sẽ phân trần trước sau:
 Thân đàn bà nhiều bề cực nhọc,
 Sinh đặng con mười tháng cưu mang,
 Tháng đầu thai đậu tợ sương,
 Mai chiều gìn giữ sợ tan bất thường.
 Tháng thứ nhì dường như sữa đặc,
 Tháng thứ ba như cục huyết ngưng,
 Bốn tháng đã tượng ra hình,
 Năm tháng ngũ thể hiện sinh rõ ràng.
 Tháng thứ sáu lục căn đầy đủ,
 Bảy tháng thì đủ bộ cốt xương,
 Lại thêm đủ lỗ chân lông,
 Cộng chung số đến tám muôn bốn ngàn.
 Tháng thứ tám hoàn toàn tạng phủ,
 Chín tháng thì đầy đủ vóc hình,
 Mười tháng thì đến kỳ sinh.
 Nếu con hiếu thuận xuôi mình ra luôn,
 Bằng ngõ nghịch làm buồn thân mẫu.
 Nó vầy vùng đập vấu lung tung,
 Làm cho cha mẹ hãi hùng,
 Sự đau sự khổ không cùng tỏ phân.

Sinh được con muôn phần an lạc,
Cũng ví như được bạc được vàng,
Thế Tôn lại bảo A-nan:
Ơn cha nghĩa mẹ mười phần phải tin.
Điều thứ nhất giữ gìn thai giáo,
Mười tháng trường chu đáo mọi bề,
Thứ hai sanh đẻ gớm ghê,
Chịu đau chịu khổ mỗi mê trăm phần.
Điều thứ ba thâm ân nuôi dưỡng,
Cực đến đâu bền vững chẳng lay,
Thứ tư ăn đắng nuốt cay,
Đề dành bùi ngọt đủ đầy cho con.
Điều thứ năm lại còn khi ngủ,
Uớt mẹ nằm, khô ráo phần con,
Thứ sáu sù nước nhai cơm,
Miễn con no ấm chẳng nhòm chẳng ghé.
Điều thứ bảy không chê ô uế,
Giặt đồ dơ của trẻ không phiền,
Thứ tám chẳng nỡ chia riêng,
Nếu con đi vắng cha phiền mẹ lo.
Điều thứ chín miễn con sung sướng,

Dầu phải mang nghiệp chướng cũng cam,
 Tính sao có lợi thì làm,
 Chẳng màng tội lỗi, bị giam bị cầm.
 Điều thứ mười chẳng ham trau chuốt,
 Dành cho con các cuộc thanh nhàn,
 Thương con như ngọc như vàng,
 Ôn cha nghĩa mẹ, sánh bằng Thái Sơn.
 Phật lại bảo A-nan nên biết:
 Trong chúng sanh tuy thiệt phẩm người,
 Mười phần mê muội cả mười,
 Không tương ơn trọng đức dày song thân.
 Chẳng kính mến quên ân trái đức,
 Không xót thương dưỡng dục cù lao,
 Ấy là bất hiếu biết bao,
 Thì những người ấy đời nào nên thân.
 Mẹ sanh con cưu mang mười tháng,
 Cực khổ dường gánh nặng trên vai,
 Uống ăn chẳng đặng vì thai,
 Cho nên thân thể hình hài kém suy.
 Khi sinh sản hiểm nguy chi xiết,
 Sanh đặng rồi tinh huyết dầm dề,

Ví như thọc huyết trâu dê,
Nhứt sanh thập tử nhiều bề gian nan.
Con còn nhỏ phải lo săn sóc,
Ăn đắng cay bùi ngọt phần con,
Phải tắm phải giặt rửa trôn,
Biết rằng dơ dáy mẹ không ngại gì.
Nằm phía ướn con nằm phía ráo,
Sợ cho con ướt áo ướt chăn,
Gây ra ghẻ chóc khắp thân,
Khiến con phải chịu trăm phần thảm thương.
Trộn ba năm bú nường sữa mẹ,
Thân gầy mòn nào nệ với con,
Khi con vừa được lớn khôn,
Mẹ cha dạy bảo cho con vỡ lòng,
Cho đi học mở thông trí tuệ,
Dựng vợ chồng có thể làm ăn,
Ước mong con được nên thân,
Dầu cho cha mẹ cơ bản quản chi.
Con đau ốm tức thì lo chạy,
Dầu tốn hao cách mấy cũng đành,
Khi con căn bệnh đặng lành,

Thì cha mẹ mới an thần định tâm.
 Công dưỡng dục sánh bằng non biển,
 Có sao con chẳng biết ơn này,
 Hoặc khi làm lỗi bị rầy,
 Chẳng tuân thì chớ lại bày ngỗ ngang.
 Hồn cha mẹ phùng mang trọn mắt,
 Khinh trưởng huynh nộ nạt thê nhi,
 Bà con chẳng nể ra chi,
 Không tuân sự phụ lễ nghi chẳng tường.
 Lời dạy bảo song đường không kể,
 Tiếng khuyên răn anh chị chẳng màng.
 Trái ngang chống báng mọi đàng,
 Ra vào lui tới mắng càn người trên,
 Vì lỗ mãng tánh quen làm bướng,
 Chẳng kể lời trưởng thượng dạy răn,
 Lớn lên theo thói hung hăng,
 Đã không nhẫn nhịn lại càng hành hung.
 Bỏ bạn lành theo cùng chúng dữ,
 Nết tập quen làm sự trái ngang,
 Nghe lời dụ dỗ quân hoang,
 Bỏ cha bỏ mẹ trốn sang quê người.

Trước còn tập theo thời theo thế,
Sau lập thân tìm kế sinh nhai,
Hoặc đi buôn bán kiếm lời,
Hoặc vào quân lính với đời lập công.
Vì ràng buộc đồng công mỗi nợ,
Hoặc trở ngăn vì vợ vì con,
Quên cha quên mẹ tình thâm,
Quên xứ quên sở lâu năm không về.
Ấy là nói những người có chí,
Chớ phần nhiều du hí mà thôi,
Sau khi phá hết của rồi,
Phải tìm phương kế kiếm đôi đồng xài.
Theo trộm cướp hoặc là bài bạc,
Phạm tội hình, tù rạc phải vương,
Hoặc khi mang bệnh giữa đường,
Không người nuôi dưỡng bỏ thân
ngoài đồng.
Hay tin dữ, bà con cô bác,
Cùng mẹ cha xao xác buồn rầu,
Thương con than khóc ưu sầu,
Có khi mang bệnh đui mù vấn vương.

Hoặc bịnh nặng vì thương quá lẽ,
 Phải bỏ mình làm quý giữ hồn,
 Hoặc nghe con chẳng lo lường,
 Trà đình, tử điểm, phó phường ngao du.
 Cứ mãi miết với đồ bất chánh,
 Chẳng mấy khi hôm sớm vãn an,
 Làm cho cha mẹ than van,
 Sanh con bất hiếu phải mang tiếng đời.
 Hoặc cha mẹ đến hồi già yếu,
 Không ai nuôi thiếu thốn mọi điều,
 Ốm đau đói rách kêu rêu,
 Con không cấp dưỡng bỏ liều chẳng thương.
 Phận con gái còn nương cha mẹ,
 Thì có lòng hiếu để thuận hòa,
 Cần lao phục dịch trong nhà,
 Dễ sai dễ khiến hơn là nam nhi.
 Song đến lúc từng phu xuất giá,
 Lo bên chồng chẳng sá bên mình,
 Trước còn lai vãng viếng thăm,
 Lần lần nguội lạnh biệt tấm biệt nhà.
 Quên dưỡng dục song thân ơn trọng,

Không nhớ công mang nặng đẻ đau,
Chẳng lo báo bổ cù lao,
Làm cho cha mẹ buồn rầu thảm thay.
Nếu cha mẹ la rầy quở mắng,
Trở sanh lòng hờn giận chẳng kiêng,
Chớ chi chồng đánh liên miên,
Thì cam lòng chịu chẳng phiền chẳng than.
Tội bất hiếu lưỡng ban nam nữ,
Nói không cùng nghiệp dữ phải mang,
Nghe Phật chỉ rõ mọi đàng,
Trong hàng đại chúng lòng càng thảm thay.
Gieo xuống đất lầy cây lầy củi,
Đạp vào mình vào mũi vào hông,
Làm cho các lỗ chân lông,
Thấy đều rướm máu, ướm đẫm cả thân.
Đến hôn mê tâm thần bất định,
Một giây lâu mới tỉnh than rằng:
Bọn ta quả thiệt tội nhờn,
Xưa nay chẳng rõ không hơn người mù.
Nay tỏ ngộ biết bao lầm lạc,
Ruột gan dường như nát như tan,

Tội tình khó nổi than van,
 Làm sao trả đặng muôn ngàn ơn sâu.
 Trước Phật đài ai cầu trần tở,
 Xin Thế Tôn mẫn cố bi lân,
 Làm sao báo đáp thù ân,
 Tỏ lòng hiếu thuận song thân của mình?
 Phật bèn dụng phạm thính sáu món,
 Phân tỏ cùng đại chúng lắng nghe,
 Ân cha nghĩa mẹ nặng nề,
 Không phương báo đáp cho vừa sức đâu.
 Ví có người ơn sâu dốc trả,
 Cũng mẹ cha tất cả hai vai,
 Giáp vòng hòn núi Tu-di,
 Đến trăm ngàn kiếp ân kia chưa vừa.
 Ví có người gặp cơn đói rét,
 Nuôi song thân dâng hết thân này,
 Xương nghiền thịt nát phân thân,
 Trả trăm ngàn kiếp ân đây chưa đồng.
 Ví có người vì công sanh dưỡng,
 Tự tay mình khoét thủng song ngươi,
 Chịu thân mù tối như vậy,

Đến trăm ngàn kiếp ơn này thấm đâu.
 Ví có người cầm dao thiệt bén,
 Mổ bụng ra rút hết tâm can,
 Huyết ra khắp đất chẳng than,
Đến trăm ngàn kiếp thâm ân đâu bằng.
 Ví có người dùng ngàn mũi nhọn,
 Đâm vào mình bắt luận chỗ nào,
 Tuy là sự khó biết bao,
Trải trăm ngàn kiếp không sao đáp đền.
 Ví có người vì ân dưỡng dục,
 Tự treo mình cúng Phật thế đèn,
 Cứ treo như vậy trọn năm,
Trải trăm ngàn kiếp ân thâm chưa đền.
 Ví có người xương nghiền ra mỡ,
 Hoặc dùng dao chặt bửa thân mình,
 Xương tan thịt nát chẳng phiền,
Đến trăm ngàn kiếp ơn trên chưa đồng.
 Ví có người vì công dưỡng dục,
 Nuốt sắt nóng thẩu ruột thẩu gan,
 Làm cho thân thể tiêu tan,
Đến trăm ngàn kiếp thâm ân chưa đền.

Nghe Phật nói thảy đều kinh khủng.
 Giọt lệ tràn khó nổi cảm ngăn,
 Đồng thính bạch Phật lời rằng:
 Làm sao trả đặng thâm ân song đường?
 Phật mới bảo các hàng Phật tử,
 Phải lắng nghe ta chỉ sau này,
 Các người muốn đáp ơn dày,
 Phải toan biên chép kinh đây lưu truyền.
 Vì cha mẹ trì chuyên phúng tụng,
 Cùng ăn năn những tội lỗi xưa,
 Cúng dường Tam Bảo sớm trưa,
 Cùng là tu phước chẳng chừa món chi.
 Rằm tháng bảy đến ngày Tụ tứ,
 Thập phương Tăng đều dự lễ này,
 Sắm sanh lễ vật đủ đầy,
 Chờ giờ câu hội đặt bày cúng dâng.
 Đặng cầu nguyện song đường trường thọ,
 Hoặc sanh về Tịnh độ an nhàn,
 Ấy là báo đáp thù ân,
 Sanh thành dưỡng dục song thân của mình.
 Mình còn phải cần chuyên trì giới,

Pháp Tam quy Ngũ giới giữ gìn,
Những lời ta dạy đình ninh,
Hãy nên y giáo phụng hành đừng sai.
Được như vậy mới là khỏi tội,
Bằng chẳng thì ngục tối phải sa,
Trong năm đại tội kể ra,
Bất hiếu thứ nhất, thật là trọng thay.
Sau khi chết bị đày vào ngục,
Ngũ Vô Gian cũng gọi A-tỳ,
Ngục này trong núi Thiết Vi,
Vách phen bằng sắt vây quanh bốn bề.
Trong ngục này hằng ngày lửa cháy,
Đốt tội nhưn hết thảy thành than,
Có lò nấu sắt cho tan,
Rót vào trong miệng tội nhưn hành hình.
Một vá đủ cho người thọ khổ,
Lột thịt da đau thấu tâm can,
Lại có chó sắt, rắn gang,
Phun ra khói lửa đốt đoàn tội nhưn.
Ở trong ngục có giường bằng sắt,
Bất tội nhưn nằm khắp đó xong,

Rồi cho một ngọn lửa hồng,
 Nướng quay kẻ tội da phỏng thịt thao!
 Móc bằng sắt, thương, đao, gươm, giáo,
 Trên không trung đổ tháo như mưa,
 Gặp ai chém nấy chẳng chừa,
 Làm cho thân thể nát như như tương.
 Những hình phạt vô phương kể hết,
 Mỗi ngục đều có cách trị riêng,
 Như là xe sắt phân thân,
 Chim ung mổ mắt trâu cày lưỡi lê.
 Chớ chi đặng chết liền rất đỡ,
 Vì nghiệp duyên không hở hành thân,
 Ngày đêm sống chết muôn lần.
 Đến trăm ngàn kiếp không ngừng một giây.
 Sự hành phạt tại A-tỳ ngục,
 Rất nặng nề ngỗ nghịch song thân,
 Chúng người đều phải ân cần,
 Thừa hành các việc phân trần khoản trên
 Nhất là phải Kinh này in chép,
 Truyền bá ra cho khắp Đông Tây,
 Như ai chép một quyển này,

Ví bằng đặng thấy một vì Thê Tôn.
Nếu in đặng ngàn muôn quyền ấy,
Thì cũng bằng thấy Phật vạn thiên,
Do theo nguyện lực tùy duyên,
Chư Phật ủng hộ y như sở nguyện.
Cha mẹ đặng xa miền khóc lãnh,
Lại hóa sanh về cảnh Thiên cung,
Khi lời Phật giảng vừa xong,
Khắp trong tứ chúng một lòng kính vâng.
Lại phát nguyện thà thân này nát,
Ra bụi tro, muôn kiếp chẳng nài.
Dầu cho lưỡi kéo trâu cày,
Đến trăm ngàn kiếp lời Thầy không quên.
Ví như bị bá thiên đao kiếm,
Khắp thân này đâm chém phân thân,
Hoặc như lưới trời thân này,
Trải trăm ngàn kiếp lời Thầy chẳng sai.
Dầu thân này bị cưa bị chặt,
Phân chia ra muôn đoạn rã rời,
Đến trăm ngàn kiếp như vậy,
Chúng con cũng chẳng trái lời Thầy khuyên.

Đức A-nan kiên thiên đánh lễ,
Cầu Thế Tôn đặt đẽ hiệu Kinh,
Ngày sau truyền bá chúng sinh,
Dễ bề phúng tụng trì chuyên tu hành.

Phật mới bảo A-nan nên biết,
Quyển Kinh này quả thiệt cao xa,
Đặt tên: “Báo Hiếu Mẹ Cha”
Cùng là “Ân Trọng” thiệt là chơn Kinh.

Các người phải giữ gìn châu báu,
Đặng đời sau y giáo phụng hành,
Sau khi Phật dạy đành rành,
Bốn ban Phật tử rất mừng rất vui.
Thấy một lòng vâng theo lời Phật,
Và kính thành tin chắc vẹn tuyền,
Đồng nhau tựu tại Phật tiền,
Nhất tâm đánh lễ rồi liền lui ra.

Nam-mô Đại Hiếu Mục-kiền-liên Bồ-tát

(3 lần)

8. KINH TINH HOA TRÍ TUỆ

Quán Tự Tại thực hành trí tuệ,
Bát-nhã ba-la-mật sáng ngời,
Bảy giờ Bồ-tát quán soi,
Thấy rằng năm uẩn ba đời đều không. O
Vượt tất cả các vòng khổ ách,
Hãy nghe này, Xá-lợi-phát ông!
Sắc nào có khác gì không,
Không nào khác sắc, sắc không vốn đồng. O
Cả thọ, tưởng, thức, hành cũng thế.
Tánh chân không các pháp viên thành,
Thấy đều chẳng diệt, chẳng sanh,
Chẳng như, chẳng sạch, chẳng tăng
giảm gì. O
Trong chân không chẳng hề có sắc.
Chẳng thọ, tưởng, hành, thức trong không.
Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý thân,
Sắc, thanh, vị, xúc, pháp, hương không còn. O
Không nhãn thức đến không ý thức,
Không vô minh hoặc hết vô minh,
Không điều già chết chúng sanh,
Hết già, hết chết thực tình cũng không.

Không trí huệ cũng không chứng đắc,
Bởi có gì là chỗ đắc đầu.
Bấy lâu Bồ-tát dựa vào
Trí ba-la-mật thắm sâu thực hành,
Mọi chướng ngại quanh mình tan biến,
Mọi việc đều chẳng khiến hoảng kinh,
Xa lìa mộng tưởng đảo điên,
Niết-bàn rốt ráo an nhiên thanh nhàn. O
Bát-nhã ấy rõ ràng trí tuệ,
Mà ba đời chư Phật nương vào,
Chứng thành quả giác tối cao,
Nên xem Bát-nhã thâm sâu đó là: O
Lời thần chú sâu xa bậc nhất,
Lời chú thần rất mực quang minh,
Chú thần cao cả anh linh,
Là lời thần chú thật tình cao siêu.
Trừ dứt được mọi điều đau khổ,
Đúng như vậy muôn thuở không sai.
Ngài liền tuyên nói chú này,
Để người trì niệm sáng bày chơn tâm: O
Ga-tê ga-tê pa-ra-ga-tê pa-ra-săn-ga-tê
bô-dhi sva-ha (3 lần) OOO

9. NIỆM PHẬT

A-di-đà Phật sắc thân vàng,
Tương tốt không gì thể sánh ngang.
Mắt biếc lẳng trong trùm bốn biển,
Tu-di rực rỡ ngập hào quang.
Trong ánh quang minh vô số Phật,
Ứng thân BỒ-tát hiện vô vàn.
Bốn mươi tám nguyện vì sanh chúng,
Chín loại noi đường, bến giác sang. O

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế
Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư
A-di-đà Phật. O

Nam-mô A-di-đà Phật (18 lần) O

Nam-mô Quán Thế Âm BỒ-tát (3 lần) O

Nam-mô Đại Thế Chí BỒ-tát (3 lần) O

Nam-mô Địa Tạng Vương BỒ-tát (3 lần) O

Nam-mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng BỒ-tát

(3 lần) OOO

10-A. SÁM MUỖI ÂN ĐỨC CỦA MẸ⁽¹⁾

(1). Nghiệp lực dẫn chúng sanh
Gá vào trong thai mẹ
Cưu mang chín tháng trời
Khổ đau không trách kẻ.
Hoài thai như mang đá
Thương con ngại gió mưa
Áo quần không sửa soạn
Son phấn chẳng còn ưa! O

(2). Đến đầu tháng thứ mười
Lòng mẹ lo khôn tả
Ngày tợ hoàng hôn rồi
Đêm đau sầu bao nả.
Khiếp hãi bởi lo âu
Âm thầm dòng lệ chảy
Tử thần phút đối đầu
Mong sao cho thoát khỏi. O

1. Thích Nhật Từ dịch từ *Phụ Mẫu Ân Trọng Nan Báo Kinh*. Tựa do dịch giả đặt.

(3). Ngay giây phút sinh nở
Ruột gan mẹ tả tơi
Đón đau trong mê sảng
Ôi máu huyết dầm dề!
Khi biết con “ra” khỏe
Mẹ vui mừng khôn nguôi
Niềm vui vừa chợt đó
Chấp nôi nôi lo rồi.

O

(4). Tình mẹ thật sâu nặng,
Thương con nào nhạt phai.
Nhả ngọt không tiếc nuôi,
Nuốt đắng nào chua cay.
Thương con càng sâu đậm,
Sầu bi tăng đêm ngày.
Miễn sao con no ấm,
Đói khát chẳng nguôi ngoai!

O

(5). Mẹ nhường khô nằm ướt
Để cho con ngủ say
Đôi vú no con bú,
Nâng niu suốt đêm ngày.

Thương con quên ngủ nghỉ,
Tình thương ấm con tim.
Mong sao con yên ổn,
Lòng mẹ hiền mới yên. O

(6). Ân mẹ hiền hơn đất,
Đức cha nghiêm quá trời.
Chở che con nào quản,
Cha mẹ chẳng tính lời.
Dù sanh con tàn tật
Cha mẹ vẫn thương con.
Con sinh từ cha mẹ,
Sao dỗi dạ quên Người?! O

(7). Nào quản thân phận mình
Chỉ sợ con bệnh tật
Tắm rửa lo vóc hình
Để con luôn khỏe mạnh.
Sắm áo đẹp cho con
Cũ rách riêng mình chịu
Mỗi khi con ấm lòng
Lòng mẹ mới xoa dịu!

(8). Khi sanh ly tử biệt
Đau đớn biết dường nào
Thương con mà xa vắng
Lại càng khổ biết bao.
Con đi đường xa cách,
Lòng mẹ bóng theo hình.
Phút giây không yên dạ
Thương nhớ đến đoạn trường. O

(9). Cuộc sống đầy lao khổ
Kể sinh nhai rồi bời
Vì muốn con no ấm
Việc ác khó chối lời.
Cơm áo cho con sống
Nuôi nấng dựng tương lai
Chỉ vì con ngon miệng
Mẹ chiên nấu bao loài. O

(10). Ân cha hơn núi lớn
Nghĩa mẹ hơn đất dày
Hy sinh lòng chẳng quản
Mà vẫn không nguôi ngoai.

Mẹ già hơn trăm tuổi
Vẫn thương con tám mươi.
Tình thương nào ngơi nghỉ,
Đến hơi thở cuối đời! OOO

10-B. SÁM VU-LAN

Đệ tử chúng con
Vâng lời Phật dạy
Ngày rằm tháng bảy
Gặp hội Vu-lan,
Phạm vũ huy hoàng
Đốt hương đánh lễ
Mười phương tam thế
Phật Pháp Thánh Hiền.
Noi gương đức Mục-kiền-liên
Nguyện làm con thảo O
Lòng càng áo nã
Nhớ nghĩa thân sinh
Con đến trưởng thành
Mẹ dày gian khổ,
Ba năm nhũ bộ

Chín tháng cưu mang,
Không ngớt lo toan
Quên ăn bỏ ngủ.
Ấm no đầy đủ
Cậy có công cha
Chẳng quản yếu già
Sanh nhai lam lũ
Quyết cùng hoàn vũ
Phấn đấu nuôi con
Giáo dục vuông tròn
Đem đường học đạo.
Đệ tử ơn sâu chưa báo
Hỗ phận kém hèn
Giờ này quỳ trước đài sen.
Chí thành cung kính.
Đạo tràng thanh tịnh,
Tặng bảo trang nghiêm,
Hoặc thừa tự tứ
Hoặc hiện tham thiền
Đầy đủ thiện duyên
Dĩ lòng lân mẫn

Hộ niệm cho O
Bảy kiếp cha mẹ chúng con
Đượm nhuần mưa pháp;
Còn tại thế
Thân tâm yên ổn
Phát nguyện tu trì;
Đã qua đời
Ác đạo xa lìa
Chóng thành Phật quả.
Ngưỡng mong các đức Như Lai
Khắp cõi hư không
Từ bi gia hộ. O
Nam-mô Đại Hiếu Mục-kiền-liên Bồ-tát
OOO

10-C. SÁM BỐN ƠN

Kính lạy mười phương Phật
Xin chúng tấm lòng thành
Con nguyện tu hạnh hiếu
Đền ơn Phật, chúng sanh.

Công sanh thành dưỡng dục
Hơn núi cả, biển khơi
Con có mặt trên đời
Ôn cha mẹ trước hết.

O

Mười tháng mẹ curu mang
Lâm bồn như lâm nạn
Đau khổ chẳng thở than
Tình mẹ hiền lai láng!

Công cha luôn tần tảo
Tìm kiếm kế sinh nhai
Chịu bao nỗi đắng cay
Nuôi vợ con thơ dại.

Ôn cha như biển cả
Nghĩa mẹ tựa trời cao
Con khó thể đáp đền
Chỉ hết lòng hiếu thảo.

O

Nguyện sống đời hiền thiện
Không thẹn với tổ tiên
Cả nhà cùng tu học
Niềm hạnh phúc vô biên!

Có thân thờ cha mẹ
Nên thân nhờ sư trưởng
Dạy lễ nghĩa cho ta
Mới thành người cao thượng. O

Kiến thức ở thế gian
Nhờ thầy được mở mang
Đạo lý xuất thế gian
Cũng nhờ thầy chỉ đường.

Người dù có thông minh
Không thể hiểu một mình
Nhờ ơn thầy dạy dỗ
Mới thoát khổ tử sinh.

Nguyện hết lòng kính ngưỡng
Đối với bậc minh sư
Theo chân thầy hoằng pháp
Giian khổ cũng không từ!

Muôn tu học đạo vàng
Trước hết thân phải an
Tùng bát cơm, manh áo
Ăn nghĩa đã muôn ngàn! O

Ơn nhà nông cày cấy
Ơn người thợ dệt may
Ơn những ai xây đắp
Cuộc sống đẹp hôm nay.

Ơn đất nước thiêng liêng
Biển cả đến đất liền
Chung đức nên nhân kiệt
Dòng giống của tổ tiên.

O

Nguyện sống đời trong sạch
Góp sức dựng tương lai
Nương nhau cùng tồn tại
Xin nhớ ơn muôn loài.

Nhờ Phật con được biết
Ân nghĩa của mẹ cha
Công ơn Thầy dạy dỗ
Ơn muôn loài bao la!

Phật lại dạy cho con
Lẽ sống của cuộc đời
Là thương yêu, tỉnh thức
Giữa thăng trầm, đầy vui.

Trí Phật như trăng rằm
Soi sáng chôn tối tăm
Giúp con thấy được Pháp
Xóa sạch hết mê lầm.

Như người mù được mắt
Kẻ bệnh nặng được lành
Phước lớn, con gặp Phật
Không hạnh phúc nào bằng! O

Nguyện tinh tấn tu học
Nói dòng Phật ở đời
Dù gian khổ không rời
Đề đền ơn đức Phật.

Núi mòn dạ chẳng mòn
Lòng hiếu kính sắc son
Nguyện đền bốn ơn nặng
Chư Phật chứng lòng con. O

10-D. SÁM TỔNG TÁNG

Cuộc hồng trần xoay vần quá ngán,
Kiếp phù sinh tụ tán mấy hồi,
Người đời có biết chằng ôi,
Thân này tuy có, có rồi hoàn không! O
Chiêm bao khéo khuấy lạ lòng,
Mơ màng trong một giấc nồng mà chi,
Làm cho buồn bã thế ni!
Hình dung mới đó bữa nay đâu rồi?
Khi nào đứng đứng ngồi ngồi
Bây giờ lặng ngắt như chồi cây khô.
Khi nào du lịch giang hồ
Bây giờ nhắm mắt mà vô quan tài.
Khi nào lược giắt trâm cài
Bây giờ gởi xác ra ngoài gò hoang.
Khi nào trau ngọc chuốt vàng
Bây giờ một nắm xương tàn lạnh tanh. O
Khi nào mắt đẹp mày xanh
Bây giờ thấy dạng thấy hình là đâu.
Khi nào lên các xuống lầu
Bây giờ một nắm cỏ sàu xanh xanh.

Khi nào liệt liệt oanh oanh
Bây giờ một trận tan tành gió mưa.
 Khi nào ngựa lọc xe lừa
Bây giờ mây rước trăng đưa mơ màng.
 Khi nào ra trường vào幔
Bây giờ nhà cửa xóm làng cách xa. O
 Khi nào mẹ mẹ cha cha
Bây giờ bóng núi cách xa muôn trùng.
 Khi nào vợ vợ chồng chồng
Bây giờ trăng khuyết còn mong chi tròn.
 Khi nào cháu cháu con con
Bây giờ hai ngã nước non xa vời.
 Khi nào cốt nhục vẹn mười
Bây giờ lá héo nhành tươi vui gì.
 Khi nào bạn hữu sum vầy
Bây giờ chén rượu cuộc kỳ vắng thiêu. O
 Cái thân như tác bóng chiều
Nnhư chum bột nước phập phều biển khơi.
 Xưa ông Bành Tổ sống đời
Tám trăm tuổi thọ nay thời còn đâu!
 Sang mà đến bậc Công Hầu

Giàu mà đến bậc bầy lâu Thạch Sùng.
 Nghèo mà đói khát lạnh lùng
Khô mà tóc cháy da phỏng trần ai. O
 Phù du sớm tối một mai
Giàu sang cũng thác, sạt sài cũng vong
 Thông minh tài trí anh hùng
 Si mê đại đột cũng chung một gò.
 Biên trần nhiều nỗi gay go
 Mau mau nhẹ gót qua đò sông mê.
 Sự đời nên chán nên chê
Tâm nơi giải thoát mà về mới khôn. O
 Lắng tâm quyết tỏ nguồn chơn
 Gương xưa lau sạch không còn trần ô.
 Tu hành phải đợ kiếp mô
 Sông tình biển ái đã khô bao giờ.
 Lựa là phải ngộ thiên cơ
 Mà đèn trí huệ dễ lờ đi đâu.
 Nguồn tâm phải tỏ trước sau
 Nguyện cho thành Phật để mau độ đời.
 Ban niềm an lạc muôn nơi
Niết-bàn tỏ ngộ, sáng ngời chân tâm. O

10-E. SÁM NIỆM PHẬT

Một lòng giữ niệm Di-đà,
Hồng danh sáu chữ thật là rất cao,
Năng trừ tám vạn trần lao,
Niệm thời phải tính cách nào cho hay.

Tham lam dứt bỏ mê si,
Tĩnh tâm niệm Phật việc gì cũng an.

Niệm Phật tội nghiệp tiêu tan,
Những điều tai họa khỏi mang vào mình.

Niệm Phật phát huệ thông minh,
Bao nhiêu nghiệp chướng chẳng sinh
vào lòng.

Niệm Phật cứu được tổ tông,
Ông bà cha mẹ thoát dòng sông mê.

Niệm Phật hoan hỷ mọi bề,
Thương người lẫn vật chẳng hề khác nhau.

Niệm Phật nhớ trước biết sau,
Thông minh sáng suốt, trí cao lòng hiền.

Niệm Phật ắt gặp phước duyên,
Tài danh chẳng nhiễm, bình an cửa nhà.

Niệm Phật chẳng sợ tà ma,
Những hàng yêu quái tránh xa chẳng cùng.

Niệm Phật được lợi ích chung,
Gặp loài ác thú hóa hung ra hiền.
Niệm Phật thân thể được yên,
Trong khi tĩnh tọa tham thiền tâm minh.
Niệm Phật chẳng có chống kình,
Nhu hòa là pháp đã in vào lòng.
Niệm Phật mười tiếng cũng xong,
Hành theo nhân quả, ý mong giúp đời.
Niệm Phật phổ độ khắp nơi,
Lợi mình lợi kẻ trời người mến thương.
Niệm Phật lòng dạ hiền lương,
Từ bi hỷ xả dẫn đường chúng sanh.
Niệm Phật thấu rõ ngọn ngành,
Biết từ kiếp trước rõ ràng đời sau.
Niệm Phật như kẻ thả phao,
Trôi qua khổ ải, trần lao khỏi chìm.
Bước lên bờ giác trang nghiêm,
Thấy toàn Phật Thánh chớ tìm đâu xa.
Niệm Phật ắt Phật rước ta,
Về nơi An Dưỡng một nhà vui thay.
Nhắc người niệm Phật đó đây,
Chí tâm niệm Phật có ngày thoát thân. O

10-F. SÁM NHẤT TÂM

Một lòng mỗi một không nài,
Cầu về Cực Lạc ngồi đài liên hoa.
Cha lành vốn thiệt Di-đà,
Soi hào quang tịnh chói lòn thân con.
Thắm sâu ơn Phật hằng còn,
Con nay chánh niệm lòng son một bề. O
Nguyện làm nên đạo Bồ-đề,
Chuyên lòng niệm Phật, cầu về Tây phương.
Phật xưa lời thệ tỏ tường,
Bốn mươi tám nguyện dẫn đường
chúng sanh.
Thề rằng ai phát lòng thành,
Nước ta báu vật để dành các người
Thiện nam tín nữ mỗi người,
Chí thành tưởng Phật niệm mười tiếng ra. O
Ta không rước đến nước ta,
Thề không thành Phật chắc là không sai.
Bởi vì tin tưởng Như Lai,
Có duyên tưởng Phật sống dai vô cùng.
Lời thề biển rộng mênh mông,

Nhờ nương Đức Phật thoát vòng trần lao.
Tội mòn như đá mài dao,
Phước lành thêm lớn càng cao càng dày. O
Cầu cho con thác biết ngày,
Biết giờ, biết khắc, biết rày tánh linh.
Cầu cho bệnh khổ khỏi mình
Lòng không trù mến chuyện tình thế gian.
Cầu cho thân thức nhẹ nhàng,
In như thiền định họ Bàng thuở xưa.
Đài vàng tay Phật bung chờ,
Các ông Bồ-tát bấy giờ đứng trông.
Rước con thiết đã nên đông,
Nội trong giây lát thấy đồng về Tây. O
Xem trong cõi Phật tốt thay,
Hoa sen đua nở tánh nay sạch trần.
Hội này thấy Phật phân thân,
Đặng nghe pháp nhiệm tinh thần sáng trung.
Quyết tu độ chúng phàm dân.
Đủ lời thệ nguyện Phật ân rộng dày
Phật thề chắc thiết không sai,
Cầu về Tịnh Độ ai ai tin lòng.

Nguyện về Tịnh Độ một nhà,
Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình.
Hoa nở rồi biết tánh linh,
Các ngài Bồ-tát bạn lành với ta. O

10-G. SÁM PHÁT NGUYỆN

Nương Phật A-di-đà
Nơi bản môn màu nhiệm,
Con dốc lòng quay về
Duy trì nguồn chánh niệm.

Con đã nguyện trở lại,
Nương Phật A-di-đà.
Cúi xin Phật nhiếp thọ,
Cõi Tịnh Độ bày ra.

Xin lấy đuốc ánh sáng,
Soi vào tâm tư con.
Xin lấy thuyền thọ mạng,
Chuyên chở hình hài con.

Cho sự sống an lạc,
Cho lý tưởng vẹn toàn.

Xin Bụt luôn bảo hộ,
Để tâm không buông lời. O

Cho con phá tà kiến,
Làm phiền não rụng rời.
Trong giây phút hiện tại,
Có Phật trong cuộc đời.

Tịnh độ đi từng bước,
Vững chãi và thanh thoi.
Hiện tại sống chánh niệm,
Tịnh Độ đã thật rồi. O

Sau này đời thân khác,
Thế nào cũng an vui.
Niệm Phật A-di-đà,
Được nhất tâm bất loạn. O

Chín phẩm sen hiện tiền,
Tự tha đều thọ dụng.
Biết trước giờ mạng chung,
Tâm con không nao núng.

Thân con không bệnh khổ,
Ý con không ngại ngưng.
Di-đà cùng thánh chúng
Tay nâng đóa sen vàng.
Có mặt trong giây lát,
Cùng lên đường thông dong. O

Sen nở là thấy Phật,
Tịnh Độ là quê hương.
Cúi xin Phật chứng giám,
Hành trì không buông lung. O



11. HỒI HUỞNG CÔNG ĐỨC

Tụng kinh là hạnh tốt lành,
Vô biên phước đức sẵn dành chúng sanh.

Nguyện cho tất cả hàm linh,
Thảy đều tỏ ngộ phẩm kinh diệu huyền. O

Nguyện tiêu ba chướng não phiền,
Được nguồn trí tuệ, phá xiềng vô minh.

Nguyện trừ tội chướng điều linh,
Hạnh lành Bồ-tát thường tinh tấn làm. O

Nguyện sanh cõi Tịnh siêu phàm,
Hoa sen chín phẩm là hàng mẹ cha.

Hoa nở thấy Phật hiện ra,
Vô sanh chúng ngộ, bạn ta: “Thánh hiền.” O

Nguyện đem công đức hiện tiền,
Hương về khắp cả các miền gần xa.

Con và cha mẹ, ông bà,
Chúng sanh giác ngộ, chan hòa pháp thân

(3 xá) OOO

12. PHỤC NGUYỆN

(Chủ lễ quỳ chấp tay, tha thiết nguyện. Đại chúng mặc niệm)

Nam-mô Bồn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O
Nam-mô Đại Hiếu Mục-kiền-liên Bồ-tát O

Công cha nghĩa mẹ tựa đất trời
Tình thương lai láng chẳng hề vơi
Vu-lan thắng hội lòng con thảo
Báo hiếu song thân rạng cõi đời.

Chúng con nguyện đem tất cả công đức thọ trì Kinh hôm nay cầu cho: Tiếng pháp âm vang vọng, đánh thức kẻ mê lầm, kẻ bất hiếu mẹ cha, trở nên người hiền thiện, người vô ơn bạc nghĩa, biết tỉnh thức ăn năn, gia đình thắm tình hiếu kính, xã hội trọng nghĩa nhớ ơn, nhân loại sống thương yêu hòa hợp. O

Chúng con nguyện cho cha mẹ hiện tiền và các Phật tử (tên họ, pháp danh, tuổi), tai ách được tiêu trừ, chướng duyên đều dứt sạch, lòng tin vào Tam Bảo ngày càng sâu,

tâm từ với chúng sinh luôn tăng trưởng, phước lộc thọ viên mãn, giới định huệ tròn đầy, khi mãn báo thân này, sinh về cõi Cực Lạc.

Chúng con đồng hồi hướng cho cha mẹ đã quá vãng và các hương linh (tên họ, pháp danh, ngày từ trần), phát tâm tỉnh giác, lìa chốn u minh, khởi niệm từ bi, xa lìa nẻo ác, tin sâu Tam Bảo, sinh về cõi Phật an vui. O

Khấp nguyện: Người mất siêu sinh, kẻ còn phúc lạc, năm châu an định, bốn biển thanh bình, tình với vô tình đều thành Phật đạo. O

(Đại chúng cùng niệm)

Nam-mô A-di-đà Phật.

(3 xá) OOO

13. ĐẢNH LỄ BA NGÔI BÁU

(Đại chúng đứng dậy, chấp tay trang nghiêm, cùng tụng và lạy)

Con xin nương tựa Phật,
Bậc Phước Trí Viên Thành,
Cầu tất cả chúng sanh
Giác ngộ, phát tâm lành. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Pháp,
Nguồn tuệ giác, từ bi,
Cầu tất cả chúng sanh
Hiểu đạo, tỏ nguồn tâm. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Tăng,
Đoàn thể sống an vui,
Cầu tất cả chúng sanh
Hòa hợp, thương mến nhau. (1 lạy) O



MƯỜI CÔNG ĐỨC ẮN TỔNG KINH

Một là, những tội lỗi đã gây ra từ trước đến nay được tiêu trừ; nếu như đã mang những nghiệp duyên nặng nề thì sẽ được chuyển hóa thành nhẹ nhàng.

Hai là, thường được các thiện Thần ủng hộ, tránh được các tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh, tù ngục...

Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo đau khổ, oán cừu oan trái của nhiều đời và hiện tại.

Bốn là, Long Thiên Hộ Pháp thường gia hộ nên những loài Dạ-xoa, ác quỷ, rắn độc, hùm beo đều tránh xa, không dám nhiễu hại.

Năm là, thân và tâm luôn được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng, diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe, an lành, việc làm thuận lợi, kết quả tốt đẹp.

Sáu là, tâm không mong cầu phước báu giàu sang, nhưng tự nhiên cơm ăn áo mặc được đầy đủ, gia đình trên thuận dưới hòa, con cháu đời đời hưởng lộc.

Bảy là, lời nói cho đến việc làm đều khiến mọi người sinh tâm vui vẻ, đi đến đâu cũng được mọi người chào đón niềm nở, kính mến, khen ngợi và tin tưởng.

Tám là, nếu mắc phải những chứng bệnh mê muội thì sẽ được trở nên thông minh lanh lợi, thân thể luôn được cường tráng khỏe mạnh, nếu phải ở những nơi thâm sơn biên địa, thì những nơi ấy cũng trở nên thịnh vượng, sung túc. Tâm thức luôn hướng về chánh đạo, sau khi mạng chung sẽ được sinh thiên.

Chín là, khi tái sinh nếu là nam thì sẽ trở thành vương tôn công tử, nếu là nữ thì sẽ trở thành thiện mỹ nhân, tướng mạo đoan trang, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.

Mười là, thương tất cả chúng sinh như thân bằng quyến thuộc, vì chúng sinh mà gieo trồng tất cả căn lành. Nhờ công đức ấy mà thường gặp được các đức Phật, nghe pháp, siêng năng tu tập, cuối cùng được thành Phật quả.

Ấn Quang Tổ Sư dạy: Ấn tổng kinh được vô lượng công đức như vậy, nên vào những dịp chúc thọ, thành hôn, cầu phước, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh... hãy tinh tấn phát tâm bồ-đề, ấn tổng kinh điển, để gieo trồng cội phước cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

KINH
VU LAN BÁO HIẾU
Thích Nhật Từ biên tập nghi thức

Chịu trách nhiệm xuất bản:	Phùng Sĩ Hòa
Biên tập:	Đỗ Thị Quỳnh
Trình bày:	Quảng Tâm
Đánh vi tính:	Nara
Bìa:	Minh Sang, Ngọc Ánh

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Số 4, lô 11, Trần Duy Hưng, Hà Nội
ĐT: 045566701 - Fax: 045566702

In lần thứ nhất 1.000 quyển, khổ 14x20, tại xí nghiệp in Fahasa. GPXB số 659-2006/CXB/08-65/TG, ngày 25-08-2006. In xong và nộp lưu chiểu 2006